

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ Điều 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06/3/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2026/TLST- DS ngày 12 tháng 01 năm 2026, về việc: “*Tranh chấp phân chia di sản thừa kế*” và “*Công nhận di chúc hợp pháp*”.

**XÉT THẤY**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn*: Ông **Huỳnh Văn H**, sinh ngày: 01/01/1965; số CCCD: 048065002412 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 06/01/2025; địa chỉ: Tổ F, phường N, TP .; địa chỉ liên lạc: A D, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (*Theo Giấy ủy quyền được công chứng số 1195/2026/CCGD ngày 04/3/2026*): Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ C, phường N, TP ..

- *Bị đơn*: Ông **Huỳnh Văn H2**; địa chỉ: A N, phường N, Thành phố Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà **Huỳnh Thị H3**, sinh ngày: 05/11/1954; số CCCD: 048154000401 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 22/04/2021; địa chỉ: Tổ F, phường N, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Huỳnh Thị C**, sinh ngày: 12/10/1956; số CCCD: 048156000507 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 27/04/2021; địa chỉ: Tổ F, phường N, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Huỳnh Thị X**, sinh ngày: 01/11/1960; số CCCD: 048156000507 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 22/04/2021; địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố Đà Nẵng.

## **II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

### **1. Xác định di sản thừa kế và giá trị tài sản:**

Các đương sự thống nhất xác định: Thừa đất số 142, tờ bản đồ số 145 tại địa chỉ Lô B, Khu tái định cư Đ, phường H, quận N (nay là phường N), thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận: Số CH 00966 do UBND quận N cấp ngày 12/06/2019 thuộc chủ sở hữu: Cụ ông Huỳnh Văn M (chết năm 2001) và cụ bà Nguyễn Thị H4 (chết năm 2024).

Giá trị tài sản thỏa thuận: Các bên thống nhất tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 6.000.000.000 đồng (*Sáu tỷ đồng*). Trong đó:

Di sản của cụ Huỳnh Văn M là  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản, tương đương: 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*).

Di sản của cụ Nguyễn Thị H4 là  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản, tương đương: 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*).

### **2. Xác định người thừa kế và phân chia kỷ phần:**

Di sản của cụ Huỳnh Văn M: Được chia đều cho 06 kỷ phần: (vợ và 05 người con). Mỗi kỷ phần trị giá: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

Các ông bà: Huỳnh Thị H3, Huỳnh Văn H2, Huỳnh Thị C, Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị X mỗi người được hưởng 500.000.000 đồng.

Cụ Nguyễn Thị H4 được hưởng 500.000.000 đồng.

Di sản của cụ Nguyễn Thị H4: Căn cứ Di chúc ngày 18/03/2022 tại Văn phòng C2, ông Huỳnh Văn H được hưởng toàn bộ phần di sản của cụ H4 (bao

gồm 3.000.000.000 đồng giá trị tài sản chung và 500.000.000 đồng cụ H4 được thừa kế từ cụ M).

Tổng cộng ông Huỳnh Văn H được hưởng tổng giá trị là 4.000.000.000 đồng (*Bốn tỷ đồng*).

**3. Phương thức phân chia hiện vật và nghĩa vụ thối trả tiền:**

Giao cho ông Huỳnh Văn H được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ nhà và đất tại thửa số 142, tờ bản đồ số 145 tại địa chỉ Lô B, Khu tái định cư Đ, phường H (nay là phường N), thành phố Đà Nẵng nêu trên.

Ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch bằng tiền mặt cho các đồng thừa kế khác, cụ thể:

- Thanh toán cho bà Huỳnh Thị H3: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).
- Thanh toán cho ông Huỳnh Văn H2: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).
- Thanh toán cho bà Huỳnh Thị C: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).
- Thanh toán cho bà Huỳnh Thị X: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

**4. Thời hạn thanh toán:** Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày ông Huỳnh Văn H hoàn tất thủ tục chỉnh lý biến động, sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Thời hạn thanh toán cuối cùng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

**5. Nghĩa vụ chậm trả tiền:** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (ông H2, bà H3, bà C, bà X) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (ông H) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**6. Sau khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật,** ông Huỳnh Văn H được quyền liên hệ với các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký biến động, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số

142, tờ bản đồ số 145 nêu trên theo quy định của pháp luật. Ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm nộp các khoản thuế, phí và lệ phí theo quy định.

7. Về án phí DS-ST: Các ông bà: Huỳnh Thị H3, Huỳnh Văn H2, Huỳnh Thị C, Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị X là người cao tuổi (*có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí ngày 27/11/2025 và ngày 06/3/2026*) nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**III.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- Viện KSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Đông Thanh**